

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09-3-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thảo
2. Ông Nguyễn Hoàng Trung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2022/TLST-HNGĐ ngày 10-10-2022, về Tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01-3-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1958; địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1957; địa chỉ: ấp H, xã M, huyện P, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1982, đăng ký kết hôn vào năm 2003. Theo ông T trình bày, ông và bà H đã có quá nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, hiện vợ chồng không cần có nhau, không yêu thương nhau như lúc đầu, không thể kéo dài cuộc sống chung vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T và bà H đã ly thân từ năm 2004 đến nay. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông T và bà H có 05 con chung là Võ Thị Kim H, sinh năm 1983; Võ Ngọc Phương B, sinh năm 1984; Võ Ngọc Bình N, sinh năm 1986; Võ Nguyên P, sinh năm 1988; Võ Ngọc Thái C, sinh năm 1992. Tất cả đã trên 18 tuổi và đủ điều kiện nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H, trong quá trình tố tụng bà đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không có nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp về Ly hôn; bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H hiện đang cư trú tại huyện P, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Ông Võ Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội

đồng xét xử căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông T, bà H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa ông T và bà H là hôn nhân hợp pháp, ông bà chung sống như vợ chồng vào năm 1982, đăng ký kết hôn vào ngày 04-8-2003 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2004 đến nay. Thời gian ly thân đã lâu, nhưng ông T và bà H không đoàn tụ được chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[4]. Về con chung: Ông T và bà H có 05 con chung là Võ Thị Kim H, sinh năm 1983; Võ Ngọc Phương B, sinh năm 1984; Võ Ngọc Bình N, sinh năm 1986; Võ Nguyên P, sinh năm 1988; Võ Ngọc Thái C, sinh năm 1992. Tất cả đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Ông T trình bày, ông và bà H không có nợ chung nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H.

2. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003206 ngày 03-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông T, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- + NĐ: (01);
- + BĐ: (01);
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục THADS. H. Tân Phước;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Thanh Liêm

